

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Dự;

2/ Bà Mai Thị Bỉ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ông Huỳnh Thiện N**, sinh năm: 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Số x đường số x, khu phố B, phường x, thành phố T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* **Bà Lê Thị Minh D**, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số x ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 và tại phiên tòa của nguyên đơn ông Huỳnh Thiện N trình bày:

Do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên năm 2014 ông và bà D sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân phường x, thành phố T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày x/x/201x.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại số x ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L. Vợ chồng sống chung thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà D có quan hệ tình cảm với người khác. Khoảng tháng 8/2015, ông về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm. Hiện nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Minh D.

Vợ chồng có con chung tên Huỳnh Nhã H, sinh ngày 11/7/201x, hiện nay đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn bà Lê Thị Minh D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng bà D vắng mặt không có lý do. Do bà D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cho ông Huỳnh Thiện N ly hôn với bà Lê Thị Minh D.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nhã H, sinh ngày 11/7/2015 cho ông Huỳnh Thiện N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Minh D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Ông N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Huỳnh Thiện N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ chấp nhận cho đương sự được ly hôn với bà Lê Thị Minh D. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Minh D, qua xác minh đã không còn sinh sống theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà D theo Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành làm thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, gồm: Công khai thông báo thụ lý vụ án trên báo và phát trên đài trung ương, thông báo thụ lý có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa ông và bà D không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà D cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 8/2015 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa ông N và bà D có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường x, thành phố T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số x/201x ngày x/x/201x, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh bà D không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông N là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Huỳnh Nhã H, sinh ngày 11/7/201x, hiện nay đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung sống với ông N. Do đó, để ổn định tình cảm và duy trì sự sinh hoạt bình thường của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Huỳnh Nhã H cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng. Do ông N không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 ông N có yêu cầu chia tài sản chung là xe hon do, nhãn hiệu Vision, biển số 62B1- 20129 do ông đứng tên trên giấy chứng nhận và bà D đang quản lý sử dụng. Ngày 21/11/2017, ông Huỳnh Thiện N có đơn rút yêu cầu chia tài sản cũng như tại phiên tòa ông N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[7] Nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu tất cả chi phí tố tụng gồm: Chi phí đăng báo Công lý 1.350.000đ, hợp đồng phát thanh trên đài tiếng nói Việt Nam 750.000đ, tổng cộng là 2.100.000đ. Do số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn.

[9] Án phí: Ông Huỳnh Thiện N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân

gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Huỳnh Thiện N và bà Lê Thị Minh D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nhã H, sinh ngày 11/7/201x cho ông Huỳnh Thiện N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Minh D không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Minh D phải chịu chi phí tố tụng là 2.100.000đ. Do chi phí này ông Huỳnh Thiện N đã nộp tạm ứng nên buộc bà Lê Thị Minh D phải trả cho ông Huỳnh Thiện N số tiền 2.100.000đ (Hai triệu, một trăm nghìn đồng). Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Huỳnh Thiện N, nếu chậm thi hành, bà Lê Thị Minh D còn phải trả thêm tiền lãi cho ông Huỳnh Thiện N theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Ông Huỳnh Thiện N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04936 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Ông N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND Phường x, TP T;
- Lưu hồ sơ, AV.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa